TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/DS-ST
Ngày: 16-10-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Xuân Miện.
- Bà Hoàng Thị Lê Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Ngát là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16-10-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 342/2017/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐST-XX ngày 12 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/QĐST-DS ngày 30-7-2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 20/TB-TA ngày 01-10-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ trụ sở số đường N, phường T, quận H, TP. HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Xuân T. Chức vụ: Giám đốc khối quản lý và thu hồi nợ - Ngân hàng TMCP Đ.

(Theo văn bản ủy quyền số 8632/UQ-PVB ngày 23-8-2016 của Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ).

Người được ủy quyền lại:

Ông Võ Duy K, sinh năm 1986. Chức vụ: Chuyên viên (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 10436/UQ-PVB ngày 17-10-2017)

- *Bị đơn*: Ông Phạm Trần Đăng K, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

HKTT: đường H, phường H1, TP. V, tỉnh B

Nơi ở tại thời điểm ký hợp đồng: đường H, phường H1, TP.V, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1961.

HKTT: đường H, phường H1, TP. V, tỉnh B

Nơi ở tại thời điểm ký hợp đồng: đường H, phường H1, TP.V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Duy K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phạm Trần Đăng K trả tổng số tiền là 717.018.350 đồng tính đến ngày 16-10-2018, trong đó, nợ gốc là 459.895.573 đồng; nợ lãi trong hạn là 61.145.780 đồng; lãi quá hạn là 195.976.997 đồng. Đồng thời, ông K còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay số 77/2014/HĐTD-PVB-GDPHT ngày 07-11-2014, tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông K trả dứt các khoản nợ nêu trên. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Theo nguyên đơn trình bày, bà Trần Thị Ngọc M và ông Phạm Trần Đăng K là mẹ con ruột. Ngày 23-8-2014, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng Đ) và bà Trần Thị Ngọc M ký kết hợp đồng vay số 59/2014/HĐTD-PVB-BRVT, theo đó, bà M vay Ngân hàng Đ số tiền 6.000.000.000 đồng; bên vay thế chấp quyền sử dụng diện tích 901,5m2, thuộc thửa X, tờ bản đồ số Y, phường N, TP. V, Giấy CNQSDĐ số AI 705360, số vào sổ cấp GCN H-00638 do UBND TP. V cấp ngày 22-11-2007, trị giá tài sản thế chấp là 9.535.000.000 đồng. Ngày 07-11-2014, ngân hàng Đ và bà M ký kết phụ lục Hợp đồng số 01/58/2014/PLHĐTCTS-PVB-BR-VT, theo đó, bà M thế chấp quyền sử dụng đất trên cho khoản vay của bà M và khoản vay của ông K, với tổng số tiền của 02 hợp vay số 59/2014/HĐTD-PVB-BRVT (bà M đứng tên) và số 77/HĐTD-PVB-BRVT (ông K đứng tên), với tổng số tiền, 6,5 tỷ. Do đó, ngày 07-11-2014, ông Phạm Trần Đăng K và Ngân hàng Đ ký kết hợp đồng vay Hợp đồng vay số 77/2014/HĐTD-PVB-GDPHT, theo đó, Ngân hàng Đ cho ông K vay số tiền là 500.000.000 đồng bằng hình thức khế ước nhận nợ số 01 cùng ngày; thời hạn vay là 60 tháng; mục đích vay tiêu dùng; lãi suất trong hạn 0,8%/tháng (tính theo số tiền vay ban đầu); lãi suất quá hạn là 150% lãi suất áp dụng trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân là 12%/năm; lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cuối kỳ (thời hạn 12 tháng) + 4,5%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và bằng 100% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ chưa đến hạn nhưng phải chuyển bằng nợ quá hạn. Ngoài ra, còn thỏa thuận về phí và quyền, nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 01-9-2015, ông K đã trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền là 64.350.000 đồng, trong đó, trả gốc là 40.104.427 đồng, trả lãi là 24.245.613 đồng.

Từ ngày 02-9-2015 đến nay, ông K nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31-8-2016 đến nay, Ngân hàng Đ chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do ông K vi phạm hợp đồng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Đ có đơn khởi kiện ông K yêu cầu Tòa án giải quyết với các yêu cầu trên.

Đối với Hợp đồng vay số 59/2014/HĐTD-PVB-BRVT của bà M, Ngân hàng Đ đã khởi kiện và phát mãi tài sản thế chấp nhưng vẫn chưa đủ tiền trả nợ.

2. Bị đơn ông Phạm Trần Đăng K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

4. Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến*: Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn xét xử vi phạm Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên cần rút kinh nghiệm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Ngày 07-11-2014, nguyên đơn là Ngân hàng Đại C và bị đơn ông Phạm Trần Đăng K ký kết hợp đồng vay số 77/2014/HĐTD-PVB-GDPHT, vay tiền cho mục đích tiêu dùng; ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Đ có đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử xác định, quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Phạm Trần Đăng K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc M: Tại thời điểm ký kết hợp đồng vay số 77/2014/HĐTD-PVB-GDPHT và phụ lục Hợp đồng số 01/58/2014/PLHĐTCTS-PVB-BR-VT cùng ngày ngày 07-11-2014, ông K, bà M cung cấp địa chỉ HKTT: đường H, phường H2, TP. V, tỉnh B; Nơi ở tại thời điểm ký hợp đồng: đường H,

phường H2, TP.V, tỉnh B, theo đó, ông K là người có nghĩa vụ theo hợp đồng, thay đổi địa chỉ không thông báo cho nguyên đơn biết là bị đơn cố tình dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ là vi phạm khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự, theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án niêm yết tại UBND phường theo địa chỉ ông K, bà M cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Đối với Hợp đồng vay số 59/2014/HĐTD-PVB-BRVT ngày 23-8-2014, giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Trần Thị Ngọc M đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2017/QĐST-KDTM ngày 06-01-2017. Theo Quyết định thi hành án số 1434/QĐ-CCTHADS ngày 08-5-2017 và Quyết định số 18/QĐ-CCTHADS ngày 28-12-2017 của Chi Cục Thi hành án TP. V, sau khi phát mãi tài sản thế chấp của bà M là quyền sử dụng diện tích 901,5m2, thuộc thửa X, tờ bản đồ số Y, phường N, TP. V để trả nợ cho Ngân hàng Đ thì bà M vẫn còn thiếu 85.640.960 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng vay số 59/2014/HĐTD-PVB-BRVT. Hội đồng xét xử xét, hiện nay phụ lục Hợp đồng số 01/58/2014/PLHĐTCTS-PVB-BR-VT đối với phần thỏa thuận tài sản thế chấp cho khoản vay của ông K theo Hợp đồng số 77/2014/HĐTD-PVB-GDPHT ngày 07-11-2014 là không còn tài sản bảo đảm.

[3]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn.

[3.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc.

Ngày 07-11-2014, bị đơn K vay nguyên đơn số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn là 60 tháng, tính từ ngày 07-11-2014 đến ngày 01-9-2015, bị đơn K đã trả gốc được 40.104.427 đồng thì dừng trả gốc. Hội đồng xét xử xét, số tiền gốc 459.895.573 đồng (500.000.000 đồng - 40.104.427 đồng) từ ngày 02-9-2015 đến nay bị đơn K chưa trả là vi phạm khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (K1 Điều 466 BLDS năm 2015) do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Đ buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 459.895.573 đồng.

[3.2]. Xét yêu cầu trả nợ lãi.

- Về lãi trong hạn: Theo điểm 2.1 Điều 2 của Hợp đồng vay số 77/2014/HĐTD-PVB-GDPHT ngày 07-11-2014 thỏa thuận, lãi suất cho vay áp dụng trong vòng 03 tháng là 12%/năm; thời gian tiếp theo được điều chỉnh bằng lãi suất tiền gửi cuối kỳ (12 tháng) cộng 4,5%/năm. Tổng số tiền lãi trong hạn đến ngày 31-8-2016 là 85.391.393 đồng, bị đơn đã trả được 24.245.613 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền lại trong hạn phát sinh còn lại 61.145.780 đồng (85.391.393 đồng - 24.245.613 đồng) là có sơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi quá hạn: Kể từ ngày 31-8-2016 đến nay, Ngân hàng Đ đã chuyển toàn bộ khoản vay của ông K sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay và thời gian trước đó, ông K cũng vi phạn thời hạn trả nợ gốc nên cũng bị chuyển sang nợ quá hạn, cụ thể:

+ Từ ngày 07-01-2015 đến ngày 30-8-2016, nợ lãi quá hạn phát sinh với tổng số tiền là 17.307.566 đồng;

+ Từ ngày 31-8-2016 đến nay, nợ lãi quá hạn phát sinh với tổng số tiền là 178.669.430 đồng.

Tổng số tiền lãi quá hạn phát sinh là 195.976.997 đồng, ông K phải thanh toán cho Ngân hàng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ phân tích [3.1] và [3.2], Hội đồng xét xử xét, bị đơn K đã vi phạm các kỳ trả nợ theo thỏa thuận tại điểm 5.1.2 Điều 5 của Hợp đồng vay số 77/2014/HĐTD-PVB-GDPHT ngày 07-11-2014 nên nguyên đơn đã chuyển nợ quá hạn và tính lãi trong hạn và quá hạn với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã cam kết và theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm là phù hợp với khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 (khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015) do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn K phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 717.018.350 đồng trong đó, nợ gốc là 459.895.573 đồng; nợ lãi trong hạn là 61.145.780 đồng ; nợ lãi quá hạn là 195.976.997 đồng.

Ngoài ra, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay số 77/2014/HĐTD-PVB-GDPHT ngày 07-11-2014 tính từ ngày 17-10-2018 cho đến khi bị đơn K trả dứt các khoản nợ trên.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 94 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

[1]. Buộc ông Phạm Trần Đăng K, tính đến ngày 16-10-2018, phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, tổng số tiền là 717.018.350 đồng (Bảy trăm mười

bảy triệu, không trăm mười tám ngàn, ba trăm năm mươi đồng), trong đó, nợ gốc là 459.895.573 đồng (Bốn trăm năm mươi chín triệu, tám trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm bảy mươi ba đồng); nợ lãi trong hạn là 61.145.780 đồng (Sáu mươi một triệu, một trăm bốn mươi lăm ngàn, bảy trăm tám mươi đồng); nợ lãi quá hạn là 195.976.997 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn, chín trăm chín mươi bảy đồng).

Tính từ ngày 17-10-2018, ông Phạm Trần Đăng K còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng số 77/2014/HĐTD-PVB-GDPHT ngày 07-11-2014 cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Trần Đăng K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 32.680.734 đồng (Ba mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi ngàn, bảy trăm ba mươi bốn đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 15.092.000 đồng (Mười lăm triệu, không trăm chín mươi hai ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP Đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008938 ngày 01-12-2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố V.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Đoàn Thế Dũng